

**QUYẾT ĐỊNH  
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HOÀNG HÓA, TỈNH THANH HÓA**

- Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 163, Điều 166 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 100, Điều 166, 167 và Điều 203 Luật đất đai năm 2013;

- Căn cứ vào Biên bản xác định nguồn gốc thửa đất ngày 24/5/2021 của UBND xã Ph, huyện Hoàng Hóa, tỉnh Thanh Hóa;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 27 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 117/2020/TLST-DS ngày 07 tháng 12 năm 2020.

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là hoàn toàn tự nguyện, nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

Nguyên đơn: Ông Lương Văn L, sinh năm 1960

Địa chỉ: thôn N, xã Ph, huyện H, Thanh Hóa.

Bị đơn: Bà Trương Thị H, sinh năm 1955

Địa chỉ: thôn N, xã Ph, huyện H, Thanh Hóa

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Lê Thị Ph – Trợ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: Bà Lương Thị C, sinh năm 1960

Địa chỉ: thôn N, xã Ph, huyện H, Thanh Hóa.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

### **Về nguồn gốc thửa đất hai bên tranh chấp:**

Thửa đất tranh chấp là Thửa đất số 276, tờ bản đồ số 02, Bản đồ địa chính 299/TTg xã Ph lập năm 1985, diện tích  $150m^2$ , mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, Chủ sử dụng: Ông Lương Hữu L (Lương Văn L); Tương ứng thửa đất số 95, tờ bản đồ số 08, Bản đồ địa chính xã Ph lập năm 1996, diện tích  $150m^2$ , mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, người sử dụng: Bà Trương Thị H; Tương ứng thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36, Bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2014, theo kết quả xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/01/2021 có diện tích  $124,5m^2$ , mục đích sử dụng: Đất ở nông thôn, người sử dụng: Bà Trương Thị H.

Địa chỉ thửa đất: Thôn N, xã Ph, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Tứ cận thửa đất:

- Phía Bắc giáp đất nhà ông Lương Mạnh H, dài 6,2m; giáp ngõ đi chung dài 2,48m; giáp nhà bà Lương Thị H dài 1,81m;
- Phía Nam giáp nhà ông Lê Hữu T, dài 7,11m;
- Phía Tây giáp nhà ông Lương Mạnh H dài 6,18m + 7,86m; Phía Đông giáp nhà bà Lương Thị H dài 5,38m + 7,08m và đoạn gấp khúc dài 1,60m.

Nguồn gốc thửa đất là năm 1982 ông vợ chồng Ông Lương Văn L mua lại của bà Th (bà Mai Thị S) và được ghi nhận là chủ sử dụng thửa đất theo bản đồ địa chính 299/TTg xã Ph. Do điều kiện sinh hoạt chật chội nên năm 1986, gia đình ông L chuyển nhà ra ở khu đất mới, không bán hay chuyển nhượng thửa đất này cho bất kỳ ai. Trước thời điểm đo vẽ bản đồ xã Ph năm 1996, bà H đã chuyển đến ở cho đến nay nên Bản đồ 1996 và Bản đồ 2014 xã Ph thể hiện người sử dụng đất là bà Trương Thị H. Vợ chồng Ông Lương Văn L và bà Lương Thị C là chủ sử dụng hợp pháp quyền sử dụng thửa đất. Giá trị thửa đất được các đương sự thống nhất là 120.000.000đ (Một trăm hai mươi triệu đồng).

### **Các đương sự thống nhất thỏa thuận:**

Hiện tại do bà H đang sử dụng và có nhu cầu tiếp tục sử dụng thửa đất số 337, tờ bản đồ số 36, Bản đồ địa chính xã Ph lập năm 2015, nên các đương sự thống nhất: Vợ chồng ông L tiếp tục cho bà H mượn toàn bộ diện tích thửa đất này để ở cho đến khi bà H chết (hoặc không còn nhu cầu sử dụng nữa), bà H không được chuyển nhượng cho bất kỳ ai. Ngay sau khi bà H chết (hoặc không còn nhu cầu sử dụng), thửa đất này sẽ tự động được trả về cho vợ chồng ông L (hoặc người thừa kế hợp pháp – nếu vợ chồng ông L không còn), không ai được phép gây cản trở cho việc trả lại đất này. Sau khi bà H chết, nếu cần nơi thờ cúng cho bà H, Vợ chồng ông L (hoặc người thừa kế) có trách nhiệm để lại cho anh em, con cháu bà H diện tích đất  $3m \times 3m = 9m^2$  (không phải trả tiền) làm nơi thờ cúng bà H. Về vị trí của phần đất, tại thời điểm bà H chết nếu có nhu cầu cần đất làm nơi thờ cúng, sẽ căn cứ nhu cầu sử dụng đất cụ thể của gia đình ông L để xác định vị trí phần diện tích đất  $9m^2$  này cho phù hợp.

Các đương sự có trách nhiệm đến cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục đăng ký, kê khai quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

**Về án phí:** Các đương sự đều thuộc đối tượng được miễn án phí, có đề nghị Tòa án miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hoằng Hóa;
- Chi cục THADS huyện Hoằng Hóa;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lê Thị Ngọc Vân**